| ĐẠI HỌC QUỐC GIA  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| --- | --- |

**QUY ĐỊNH GIẢNG DẠY**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHBK, ngày tháng năm 2021*

*của Hiệu trưởng trường Đại học Bách Khoa – ĐHQG-HCM)*

**CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Quy định này quy định các công tác tổ chức giảng dạy: kế hoạch giảng dạy, thực hiện giảng dạy, đánh giá kết quả học tập, tiêu chuẩn giảng viên.

Quy định này áp dụng đối với tất cả nhân sự tham gia công tác giảng dạy, hỗ trợ giảng dạy ở trình độ đại học và sau đại học tại trường Đại học Bách Khoa – Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là trường hoặc nhà trường).

**Điều 2. Các khái niệm**

Các khái niệm có dùng trong quy định này mà không được định nghĩa rõ ràng trong quy định sẽ căn cứ trên các quy định khác hiện hành (các văn bản, quy định, quy chế, thông tư, nghị định, luật, hướng dẫn của nhà trường, của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, của các Bộ ngành và Chính phủ).

Một số khái niệm dùng riêng trong quy định này:

* Khoa: chỉ chung cho các Khoa và Trung tâm đào tạo thuộc trường như Trung tâm Đào tạo Bảo dưỡng Công nghiệp và Trung tâm Ngoại ngữ. Các Khoa và Trung tâm đảm nhận việc giảng dạy các môn học trong chương trình đào tạo các bậc của trường.
* Bộ môn (BM): chỉ chung cho các Bộ môn và các Phòng Thí nghiệm, Xưởng thực hành của Khoa có phụ trách giảng dạy các môn học trong chương trình đào tạo các bậc của trường.
* Phòng Thí nghiệm (PTN): chỉ chung cho các Phòng Thí nghiệm, Xưởng thực hành của Trường, Khoa, Bộ môn có phụ trách giảng dạy các môn học trong chương trình đào tạo các bậc của trường.
* Các phòng đào tạo: chỉ chung cho các Phòng Đào tạo (PĐT), Phòng Đào tạo Sau đại học (PĐTSĐH). Các công việc do từng phòng đào tạo phụ trách theo sự phân công nhiệm vụ của nhà trường.
* Cán bộ giảng dạy (CBGD): chỉ chung cho các giảng viên (GV) giảng dạy các tiết lý thuyết, hướng dẫn bài tập, thực hành tại lớp, bài tập lớn (BTL), tiểu luận thành phần của môn học (TL), hướng dẫn thực hành, thực tập, thí nghiệm.
* Giảng viên hướng dẫn (GVHD): chỉ chung cho các giảng viên (GV) thực hiện hướng dẫn BTL, TL, đồ án môn học (ĐA), thực tập ngoài trường (TTNT), đề cương luận văn (ĐCLV), tiểu luận tốt nghiệp (TLTN), luận văn tốt nghiệp (LVTN).
* Cán bộ hướng dẫn (CBHD): chỉ chung cho người thực hiện hướng dẫn BTL, TL, thực hành, thí nghiệm hoặc người hướng dẫn thực tập ngoài trường tại cơ sở.
* Cán bộ hỗ trợ giảng dạy (CBHT): chỉ chung người thực hiện công tác hỗ trợ giảng dạy nêu trong quy định này.

**CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC GIẢNG DẠY**

**Điều 3. Kế hoạch giảng dạy**

Kế hoạch giảng dạy (KHGD) là danh sách các môn học (MH) sẽ mở trong một học kỳ (HK) và có thể là số nhóm lớp mở cho MH đó.

**3.1 Lập kế hoạch giảng dạy**

Khoa phụ trách Chương trình đào tạo (CTĐT) phối hợp với các phòng đào tạo lập KHGD cho từng HK. KHGD sẽ được lập trước khi các phòng đào tạo bắt đầu xếp thời khóa biểu (TKB), thường vào giữa HK trước HK cần lập KHGD hoặc theo kế hoạch cả năm.

KHGD được lập cho từng hình thức và bậc đào tạo: đại học chính quy (ĐH/CĐg), vừa làm vừa học (VLVH), đào tạo từ xa (ĐTTXa), sau đại học (SĐH).

KHGD cần phải cân đối với nhu cầu học tập của sinh viên (SV) để đảm bảo công tác giảng dạy là tốt nhất cho SV.

**3.2 Điều chỉnh đề cương môn học**

Đề cương môn học (ĐCMH) phải được trình hoặc điều chỉnh trước khi bắt đầu HK ít nhất 02 tuần. Các cập nhật về số tiết lý thuyết, số tiết bài tập, … và cách bố trí tiết học mỗi tuần cần phải cung cấp cho các phòng đào tạo cùng với KHGD.

ĐCMH phải được công bố công khai cho người học và phải được tuân thủ nghiêm ngặt bởi tất cả các bên liên quan. Các phòng đào tạo phải lưu trữ các ĐCMH đã được cập nhật.

**Điều 4. Biểu đồ kế hoạch học tập và giảng dạy**

Xem quy định chung về học vụ và đào tạo.

**Điều 5. Thời khóa biểu**

Xem quy định chung về học vụ và đào tạo.

**CHƯƠNG 3. THỰC HIỆN GIẢNG DẠY**

**Điều 6. Các quy định chung về thực hiện giảng dạy**

**6.1 Giảng dạy theo thời khóa biểu**

CBGD giảng dạy theo đúng TKB đã được phân công.

Đối với các MH, phần môn học không có thời khóa biểu cố định như ĐA, BTL, TL, LVTN…, CBGD phải đăng ký lịch tiếp SV định kỳ với Khoa và phải tuân thủ theo lịch đã đăng ký. Khuyến khích CBGD dùng hệ thống BKeL để thông báo, trao đổi với SV trong quá trình hướng dẫn.

Nếu phát hiện có sự cố về nhầm phòng, trùng phòng, … CBGD thông báo ngay cho các bộ phận liên quan để giải quyết, đảm bảo quyền lợi chung của nhà trường, CBGD và SV.

**6.2 Thay đổi thời khóa biểu**

Trong các trường hợp bất khả kháng, giờ học hàng tuần trong TKB của một lớp có thể được thay đổi trong quá trình giảng dạy theo yêu cầu của CBGD và SV, hoặc theo yêu cầu của nhà trường hoặc của cấp trên. Giờ học mới phải đảm bảo không trùng giờ với tất cả các SV trong lớp. Khi thay đổi giờ học, phải tuân thủ đúng khung giờ xếp TKB của loại hình lớp.

Trong một số trường hợp, TKB có thể bị thay đổi phòng học theo yêu cầu của nhà trường, CBGD và SV.

**6.3 Nghỉ dạy, dạy bù và dạy thay**

Trong các trường hợp bất khả kháng, hoặc theo phân công của Khoa, một số phiên học có thể có CBGD khác dạy thay cho CBGD được phân công ban đầu. Nếu việc dạy thay diễn ra thường xuyên, Khoa cần phải phân công lại CBGD cho lớp học. Người dạy thay phải có trình độ và năng lực phù hợp với yêu cầu của phần nội dung dạy thay. CBGD phụ trách lớp học phải thông báo trường hợp dạy thay cho Bộ môn.

Trong trường hợp không thể phân công người dạy thay, CBGD cần phải báo nghỉ dạy cho nhà trường, và cho tất cả các SV bị ảnh hưởng. Thời hạn báo cho SV trễ nhất là trước giờ lên lớp của phiên học. Thời hạn báo cho nhà trường trễ nhất là trước 21g00 của cùng ngày nghỉ. Khuyến khích báo trước cho nhà trường và SV trước 16g00 của ngày làm việc trước ngày nghỉ 02 ngày.

CBGD không được nghỉ dạy ở phiên đầu tiên của lớp học theo thời khóa biểu.

CBGD phải đảm bảo giảng dạy đủ giờ theo quy định của MH. Khi không giảng dạy đủ giờ, CBGD cần phải dạy bù trong các tuần học theo Biểu đồ học tập và trước khi SV thi cuối kỳ. Một lần dạy bù, chỉ được dạy bù cho một phiên học của lớp và không quá số tiết của phiên học đã được phân công trên TKB. Khi dạy bù, phải đảm bảo một SV không học một môn học quá 05 tiết liên tục và không quá 10 tiết trong cùng một ngày.

Khi đăng ký dạy bù, CBGD phải đăng ký trước 16g00 của ngày làm việc cách trước ngày dạy bù tối thiểu 01 ngày và tối đa 07 ngày. CBGD có trách nhiệm thông báo cho toàn bộ các SV bị ảnh hưởng bởi việc dạy bù. Khi dạy bù, cho phép tối đa 10% số SV bị trùng giờ. CBGD phải đảm bảo quyền lợi học tập của SV khi tổ chức dạy bù, có trách nhiệm hỗ trợ các SV bị trùng giờ không tham gia lớp học bù được.

CBGD không được phép nghỉ dạy, dạy bù quá 30% số tiết đã được phân công trong TKB.

Việc báo nghỉ dạy, dạy bù, dạy thay được thực hiện qua hệ thống Hỗ trợ giảng dạy trên cổng thông tin và dịch vụ trực tuyến nhà trường (myBK - mybk.hcmut.edu.vn). Trong trường hợp đặc biệt, cần liên hệ Ban Thanh tra Giáo dục để được hỗ trợ.

**6.4 Dạy và học trực tuyến**

a) Nhà trường được tổ chức các lớp học phương thức trực tuyến khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học phương thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học phương thức trực tiếp.

b) Việc dạy và học trực tuyến được thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 7. Thực hiện công tác giảng dạy**

**7.1 Sử dụng hệ thống hỗ trợ giảng dạy trực tuyến**

Xem quy định chung về học vụ và đào tạo.

**7.2 Công khai đề cương môn học**

Xem quy định chung về học vụ và đào tạo.

**7.3 Công khai kết quả học tập và mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của SV**

Xem quy định chung về học vụ và đào tạo.

**7.4 Giảng dạy các môn học có nhiều nhóm lớp trong học kỳ**

Xem quy định chung về học vụ và đào tạo.

**Điều 8. Hướng dẫn bài tập, thực hành, thí nghiệm, thực tập, tham quan ngoài trường**

**8.1 Hướng dẫn bài tập, thực hành tại lớp**

CBHD các phần học bài tập, thực hành tại lớp có thể là CBGD hoặc các CBHT có trình độ và năng lực phù hợp.

CBHD hướng dẫn SV làm bài tập, thực hành tại lớp theo đúng ĐCMH của môn học.

**8.2 Hướng dẫn thực hành, thí nghiệm tại PTN**

CBHD các môn học thực hành, thí nghiệm là các GV có trình độ và năng lực phù hợp. CBHD các phần học thực hành, thí nghiệm của các môn học có thể là các CBHT có trình độ và năng lực phù hợp.

CBHD có trách nhiệm bảo đảm đầy đủ phương tiện thực hành, thí nghiệm (máy móc, dụng cụ, thiết bị, hóa chất, linh kiện, vật tư, …) theo đúng nội dung bài thực hành, thí nghiệm và định mức tiêu hao (nếu có) trước khi bắt đầu hướng dẫn. CBHD chỉ cho phép SV làm bài thực hành, thí nghiệm khi SV đã có sự chuẩn bị sẵn sàng và nắm vững nội dung thực hành, thí nghiệm.

CBHD bố trí giờ thực hành, thí nghiệm bù cho các SV được phép vắng mặt ở các bài trước.

CBHD phải đảm bảo an toàn, trật tự theo đúng nội quy PTN, chỉ cho các SV có Bảo hiểm Y tế (BHYT) và Bảo hiểm tai nạn (BHTN) vào PTN để thực hiện bài thực hành, thí nghiệm.

**8.3 Hướng dẫn thực tập, tham quan ngoài trường**

Các đợt thực tập, tham quan ngoài trường phải được Khoa lập kế hoạch rõ ràng, có địa điểm, thời gian, GVHD phụ trách, người tham dự và có thỏa thuận với cơ sở về việc thực tập, tham quan. Kế hoạch cũng phải nêu rõ các chi phí và nguồn chi phí (từ trường, từ SV, từ cơ sở, …).

Khoa gửi kế hoạch và danh sách đoàn thực tập cho các phòng đào tạo để trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các đoàn thực tập, tham quan.

GVHD chịu trách nhiệm theo dõi, phối hợp với các cơ sở (CBHD cơ sở) để đảm bảo nội dung thực tập theo đúng ĐCMH và đạt chất lượng thực tập tốt nhất.

**Điều 9. Hướng dẫn đồ án, bài tập lớn, tiểu luận thành phần**

**9.1 Hướng dẫn đồ án**

Khoa quy định quy trình hướng dẫn đồ án chung cho toàn Khoa hoặc cho các môn học cụ thể. GVHD hướng dẫn SV thực hiện đồ án theo quy trình đã ban hành và phù hợp với nội dung hướng dẫn.

GVHD phải trao đổi với từng SV hoặc từng nhóm nhỏ SV (2-5 SV) về nội dung đồ án định kỳ theo quy trình của Khoa. GVHD phải hướng dẫn SV thực hiện sổ/phiếu theo dõi thực hiện đồ án và báo cáo tiến độ thực hiện. GVHD có thể cấm thi (bảo vệ đồ án) nếu SV không thực hiện đồ án theo đúng tiến độ.

**9.2 Hướng dẫn Bài tập lớn, Tiểu luận**

Khoa có thể phân công các CBHD khác với CBGD môn học để huớng dẫn phần BTL, TL theo yêu cầu của CBGD hoặc yêu cầu chung của Khoa.

CBHD hướng dẫn các SV thực hiện BTL, TL theo quy trình hướng dẫn đồ án, hoặc có thể yêu cầu SV nộp bài theo từng phần và CBHD phản hồi cho các SV (từng SV hoặc từng nhóm SV).

**Điều 10. Hướng dẫn Đề cương, Tiểu luận và Luận văn tốt nghiệp**

Khoa quy định quy trình ra đề tài, phân bố đề tài cho SV và quy trình hướng dẫn đề cương luận văn (ĐCLV), tiểu luận tốt nghiệp (TLTN), luận văn tốt nghiệp (LVTN) chung cho toàn Khoa.

Các GVHD phải có trình độ tối thiểu là Thạc sĩ và có năng lực chuyên môn phù hợp với các nội dung hướng dẫn. Đối với các đề tài có sự phối hợp với cơ sở, ngoài GVHD, các cán bộ có trình độ từ bậc đại học trở lên tại cơ sở có thể được phân công phối hợp hướng dẫn.

**10.1 Ra đề tài**

Khoa phân công các GVHD ra các đề tài ĐCLV, TLTN và LVTN và phê duyệt nội dung đề tài trước khi công bố cho SV.

Khoa phân bố đề tài cho SV và phân công GVHD hướng dẫn ĐCLV, TLTN và LVTN cùng với các đề tài và các SV thực hiện.

**10.2 Hướng dẫn Đề cương, Tiểu luận và Luận văn tốt nghiệp**

GVHD hướng dẫn SV thực hiện theo quy trình hướng dẫn đã ban hành và phù hợp với nội dung hướng dẫn.

GVHD phải trao đổi với từng SV hoặc từng nhóm nhỏ SV (2-5 SV) về nội dung đề tài định kỳ theo quy trình của Khoa. GVHD phải hướng dẫn SV thực hiện sổ/phiếu theo dõi thực hiện đề tài và báo cáo tiến độ thực hiện. GVHD có thể cấm thi (bảo vệ) nếu SV không thực hiện đề tài theo đúng tiến độ.

Nếu nội dung hướng dẫn LVTN được thực hiện tại một cơ sở ngoài trường, Khoa làm công văn đề nghị kèm theo kế hoạch thực hiện LVTN tương tự như các đợt thực tập ngoài trường, các phòng đào tạo trình Hiệu trưởng ra quyết định cử SV thực hiện LVTN tại cơ sở bên ngoài. Mặc dù vậy, GVHD được phân công hướng dẫn là người có trách nhiệm cao nhất về nội dung hướng dẫn và chất lượng thực hiện LVTN trong trường hợp này.

**CHƯƠNG 4. CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP**

**Điều 11. Thang điểm đánh giá, cách thức tính điểm tổng kết môn học**

Xem quy định chung về học vụ và đào tạo.

**Điều 12. Trách nhiệm đánh giá kết quả học tập**

CBGD được phân công giảng dạy, hướng dẫn nhóm lớp nào hoặc được phân công hướng dẫn (BTL, ĐA, …) nhóm SV nào (CBGD phụ trách) có trách nhiệm đánh giá kết quả học tập nhóm lớp đó hoặc nhóm SV đó.

Trường hợp phần môn học, BTL, ĐA, … là thành phần của một môn học do CBGD khác phụ trách, CBGD phần môn học cần chuyển kết quả đánh giá cho CBGD phụ trách hoặc cho BM nếu có sự tráo đổi SV giữa các nhóm lớp của cùng môn học và do nhiều CBGD phụ trách. Việc chuyển kết quả này phải diễn ra trước ít nhất 01 tuần của hạn nộp điểm tổng kết môn học.

Trường hợp một nhóm lớp môn học do nhiều CBGD cùng tham gia giảng dạy, thì CBGD phụ trách môn học quyết định kết quả học tập.

**Điều 13. Kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ**

**13.1 Kiểm tra giữa kỳ**

Các MH lý thuyết có tối đa 01 lần kiểm tra giữa kỳ (gọi tắt là kiểm tra). Các MH không có kiểm tra phải có thêm ít nhất một thành phần điểm khác với thi cuối kỳ.

Các MH dạy cho toàn trường sẽ có lịch kiểm tra chung vào tuần kiểm tra trên Biểu đồ học tập. Các MH dạy cho toàn Khoa hoặc các MH có quá nhiều nhóm lớp có thể được xếp lịch kiểm tra chung trong tuần lễ này nếu Khoa có nhu cầu và phải đăng ký với PĐT để được xếp lịch. Các MH khác, CBGD có thể tổ chức kiểm tra vào các buổi học và có thể tổ chức sớm hơn hay muộn hơn 01 tuần so với tuần kiểm tra trên Biểu đồ học tập.

**13.2 Thi cuối kỳ**

Tất cả các MH lý thuyết hoặc lý thuyết và các thành phần khác đều phải tổ chức thi cuối kỳ (gọi tắt là thi).

**13.3 Tỉ lệ đánh giá, hình thức kiểm tra, thi**

Tỉ lệ đánh giá cho điểm kiểm tra, điểm thi, hình thức kiểm tra, hình thức thi được quy định giống như Quy chế đào tạo – học vụ hiện hành và phù hợp với ĐCMH.

**13.4 Thời lượng kiểm tra, thi**

Căn cứ vào khối lượng học tập (số tín chỉ - TC) của MH, thời lượng kiểm tra/thi và thời lượng coi kiểm tra/coi thi (gọi tắt là coi thi) được quy định như sau:

* Thời lượng kiểm tra/thi (thời gian làm bài) là một trong các thời lượng sau: 50’, 60’, 70’, 80’, 90’, 100’, 110’, 120’, 130’, 140’, 150’. Trong đó, thời lượng kiểm tra/thi theo hình thức trắc nghiệm không quá 90’ và thời lượng kiểm tra không vượt quá thời lượng thi của cùng một môn học trong một học kỳ.
* Thời gian coi thi (của CBCT) gồm thời lượng kiểm tra/thi cộng thêm 30’, trong đó bao gồm thời gian SV làm bài, thời gian CBCT thực hiện trước giờ làm bài (đánh số thứ tự chỗ ngồi, gọi sinh viên vào phòng, phát đề), thời gian thu bài và di chuyển giữa các nơi nhận đề - phòng kiểm tra/thi - nộp bài.
* Thời gian trực thi (của CB trực thi) là thời gian coi thi cộng thêm 30’, trong đó bao gồm cả thời gian chuẩn bị trước khi CBCT nhận túi bài, thời gian sau khi CBCT nộp túi bài.
* Tổng thời lượng kiểm tra, thi của một môn học tối đa là 50’ x [Số TC môn học].

**CHƯƠNG 5. CÔNG TÁC HỖ TRỢ GIẢNG DẠY**

**Điều 14. Hoạt động hỗ trợ giảng dạy**

**14.1 Các hoạt động hỗ trợ giảng dạy**

Hoạt động trợ giảng nhằm hỗ trợ cho GV trong các hoạt động giảng dạy, bao gồm: Chuẩn bị bài giảng, bài tập, bài thực hành, bài thí nghiệm; phụ đạo; hướng dẫn bài tập, BTL, TL, thảo luận, thí nghiệm, thực hành; chấm bài tập.

**14.2 Cán bộ hỗ trợ giảng dạy**

Cán bộ hỗ trợ giảng dạy (CBHT) là các giảng viên, giảng viên đang tập sự, trợ giảng, kỹ sư phục vụ giảng dạy, nghiên cứu viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học đang học tập, nghiên cứu ở các Khoa và SV giỏi (xếp loại học lực giỏi hoặc/và có kết quả học tập của môn học SV tham gia hỗ trợ đạt loại giỏi) bậc đại học năm cuối khóa, những người có kinh nghiệm thực tiễn ở trong và ngoài trường.

**14.3 Phân công hỗ trợ giảng dạy**

Khoa phân công các CBHT có chuyên môn và năng lực phù hợp tham gia hỗ trợ giảng dạy cho các môn học, phần môn học do Khoa phụ trách, có sự tư vấn, đề nghị từ GV phụ trách môn học (nếu có) và các CBGD đang giảng dạy môn học. Việc phân công thực hiện như các điều khoản về phân công giảng dạy trong quy định này.

Các công việc hỗ trợ được phân công phải có trong ĐCMH.

**14.4 Khối lượng giảng dạy của công tác hỗ trợ giảng dạy**

Công tác hỗ trợ giảng dạy được tính khối lượng giảng dạy và thù lao giảng dạy theo quy định.

**CHƯƠNG 6. TIÊU CHUẨN GIẢNG VIÊN**

**Điều 15. Giảng viên tham gia đào tạo trình độ đại học**

Xem phụ lục 1.

**Điều 16. Giảng viên tham gia đào tạo Chương trình Chất lượng cao, Tiên tiến, Liên kết quốc tế**

Xem phụ lục 2.

**Điều 17. Giảng viên tham gia đào tạo Chương trình Kỹ sư Chất lượng cao Việt-Pháp, Chương trình Kỹ sư Việt-Nhật, Chương trình Tài năng**

Xem phụ lục 3.

**Điều 18. Giảng viên tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ**

Xem phụ lục 4.

**Điều 19. Giảng viên tham gia đào tạo trình độ tiến sĩ**

Xem phụ lục 5.

**CHƯƠNG 7. KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

**Điều 20. Khen thưởng**

CBGD làm tốt công tác sẽ được đề nghị khen thưởng theo các quy định hiện hành.

**Điều 21. Kỷ luật**

CBGD, GVHD, CBHT, CBCT vi phạm các điều khoản trong quy định này có thể bị đề nghị kỷ luật theo quy định hiện hành của Hội đồng kỷ luật Trường.

**CHƯƠNG 8. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 22. Điều khoản thi hành**

Quy định này được áp dụng thay thế cho các quy định giảng dạy và các điều chỉnh, bổ sung về giảng dạy ban hành trước đây. Các quy định trước đây trái với quy định này đều bị bãi bỏ. Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của quy định này do Hiệu trưởng quyết định theo đề nghị của Hội đồng học vụ.

|  | **HIỆU TRƯỞNG**  **PGS.TS Mai Thanh Phong** |
| --- | --- |

**Bảng ký hiệu viết tắt**

**Chữ viết tắt Giải nghĩa**

Bộ GD&ĐT Bộ Giáo dục và Đào tạo

BHYT Bảo hiểm Y tế

BHTN Bảo hiểm tai nạn

BKeL Hệ thống hỗ trợ giảng dạy Bách Khoa e-Learning

BM Bộ môn

BTL Bài tập lớn

CBCT Cán bộ coi thi

CBGD Cán bộ giảng dạy

CBHD Cán bộ hướng dẫn

CBHT Cán bộ hỗ trợ

CĐg Cao đẳng

CNBM Chủ nhiệm Bộ môn

CTĐT Chương trình đào tạo

ĐA Đồ án

ĐCLV Đề cương luận văn

ĐCMH Đề cương môn học

ĐH Đại học

ĐHBK Trường Đại học Bách Khoa – Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh

ĐHQG Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh

ĐTTXa Đào tạo từ xa qua mạng

KHGD Kế hoạch giảng dạy

GV Giảng viên

GVHD Giảng viên hướng dẫn

HK Học kỳ

LVTN Luận văn tốt nghiệp

MH Môn học

PĐT Phòng Đào tạo

PĐTSĐH Phòng Đào tạo Sau đại học

PTN Phòng thí nghiệm

SĐH Sau đại học

SV Sinh viên

TC Tín chỉ

TKB Thời khóa biểu

TL Tiểu luận thành phần môn học

TLTN Tiểu luận tốt nghiệp

TTNT Thực tập ngoài trường

TTTN Thực tập tốt nghiệp

VLVH Vừa Làm Vừa Học

VPĐTQT Văn phòng Đào tạo Quốc tế

**Phụ lục 1. Tiêu chuẩn giảng viên tham gia đào tạo trình độ đại học**

Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT, ngày 18/07/2014 có quy định như sau:

**1.1. Giảng viên**

a) Có trình độ thạc sĩ trở lên. Riêng giảng viên dạy lý thuyết các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành phải có trình độ tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có trình độ thạc sĩ tốt nghiệp ở các trường đại học của các nước phát triển đúng ngành hoặc thuộc ngành gần (đối với các ngành đặc thù);

b) Có năng lực chuyên môn, NCKH đáp ứng yêu cầu của CTĐT chất lượng cao; có kinh nghiệm giảng dạy liên quan đến ngành CTĐT chất lượng cao từ 3 năm trở lên; có phương pháp giảng dạy hiệu quả; áp dụng tốt công nghệ thông tin trong giảng dạy và NCKH;

c) Giảng viên dạy các học phần chuyên môn bằng ngoại ngữ, ngoài các tiêu chuẩn nêu tại điểm a, b khoản này, phải có trình độ ngoại ngữ bậc 5/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương tương) hoặc được đào tạo trình độ đại học trở lên toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngôn ngữ đó;

**1.2. Trợ giảng**

a) Trợ giảng phải có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của học phần; sử dụng tốt các thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy để hỗ trợ giảng viên trong hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập, hướng dẫn thực hành, thảo luận, seminar, làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp;

b) Cơ sở đào tạo được phép sử dụng nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên giỏi tốt nghiệp các CTĐT cử nhân tài năng, kỹ sư chất lượng cao, chương trình tiên tiến, CTCLC tham gia hoạt động trợ giảng.

**Phụ lục 2. Tiêu chuẩn giảng viên tham gia đào tạo chương trình Chất lượng cao, Tiên tiến, Liên kết quốc tế**

**2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Giảng viên Việt Nam, Giảng viên nước ngoài và trợ giảng tham gia giảng dạy/trợ giảng Chương trình Đào tạo Quốc tế trình độ đại học của trường Đại học Bách Khoa – Đại học Quốc gia TPHCM.

**2.2. Quy định**

| **STT** | **Đối tượng** | **Điều kiện để  *tham gia giảng dạy*** | **Điều kiện để  *tiếp tục được mời giảng dạy*** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Giảng viên Việt Nam | Đáp ứng các yêu cầu sau:  1. *Về năng lực chuyên môn và kinh nghiệm*:  Đã từng tham gia giảng dạy tại các trường đại học liên quan đến ngành đào tạo từ 3 năm trở lên.  2. *Về trình độ*:  Có trình độ thạc sĩ trở lên.  Riêng giảng dạy lý thuyết các học phần thuộc kiến thức ngành, chuyên ngành phải có trình độ từ tiến sĩ  *hoặc*  Chức danh phó giáo sư, giáo sư  *hoặc*  Có trình độ thạc sĩ, tốt nghiệp ở các trường đại học của các nước phát triển đúng ngành hoặc thuộc ngành gần (đối với ngành đặc thù)  3. *Về năng lực tiếng Anh*:  Tốt nghiệp đại học trở lên ở các nước sử dụng tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ  *hoặc*  Tốt nghiệp đại học trở lên tại các nước có sử dụng tiếng Anh trong quá trình học và nghiên cứu toàn thời gian  *hoặc*  Tốt nghiệp đại học trở lên có luận án bằng tiếng Anh  *hoặc*  Có trình độ ngoại ngữ bậc 5/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam  *hoặc*  Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế như IELTS 6.5 *hoặc* TOEFL iBT 94 trở lên  **Lưu ý:**  Mục số 3không áp dụng đối với các giảng viên giảng dạy nhóm môn chính trị, giáo dục thể chất, kỹ năng mềm, kỹ năng xã hội, tiếng Việt. | Đáp ứng các yêu cầu sau:   1. Đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn và được Khoa đánh giá cao. 2. Có ít nhất 01 công trình nghiên cứu khoa học được công bố/ nghiệm thu liên quan đến ngành/ chuyên ngành đang giảng dạy hằng năm.   3. Có kết quả khảo sát chất lượng môn học ở kỳ gần nhất từ 7.0/10 trở lên.  4. Có kế hoạch tiếp sinh viên định kỳ 2 lần / học kỳ. |
| 2 | Giảng viên Nước ngoài | 1. *Về năng lực chuyên môn và kinh nghiệm*: Đã từng tham gia giảng dạy tại các trường đại học liên quan đến ngành đào tạo từ 3 năm trở lên 2. *Về trình độ:* Có trình độ từ thạc sĩ trở lên.   Riêng giảng viên quốc tịch Việt Nam phải có thời gian công tác ít nhất 2 năm tại các trường đại học nước ngoài có sử dụng tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ  *hoặc*  Giảng viên quốc tịch Việt Nam có thời gian công tác ít nhất 2 năm tại các trường đại học nước ngoài không sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính trong giảng dạy thì giảng viên cần đáp ứng năng lực ngoại ngữ theo mục 3 của giảng viên Việt Nam | Đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn và được Khoa đánh giá cao. |
| 3 | Trợ giảng | 1. *Về năng lực chuyên môn và kinh nghiệm*:   Đáp ứng yêu cầu của học phần; sử dụng tốt các thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy để hỗ trợ giảng viên trong hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập, hướng dẫn thực hành, thảo luận, seminar, làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp.   1. *Về trình độ*:   Có trình độ từ đại học trở lên.  3. *Về năng lực ngoại ngữ:*  Tốt nghiệp đại học trở lên ở các nước sử dụng tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ  *hoặc*  Tốt nghiệp đại học trở lên tại các nước có sử dụng tiếng Anh trong quá trình học và nghiên cứu toàn thời gian  *hoặc*  Tốt nghiệp đại học trở lên có luận án bằng tiếng Anh  *hoặc*  Có trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam  *hoặc*  Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế như IELTS 6.0 *hoặc* TOEFL iBT 78 trở lên  **Lưu ý:** Mục số 3không áp dụng đối với trợ giảng các nhóm môn chính trị, giáo dục thể chất, kỹ năng mềm, kỹ năng xã hội, tiếng Việt. | Đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn, được Khoa và giảng viên phụ trách môn học đánh giá cao. |
| (\*): Các trường hợp đặc biệt sẽ do nhà trường xem xét và quyết định | | | |

**Phụ lục 3. Tiêu chuẩn giảng viên tham gia đào tạo chương trình Kỹ sư Chất lượng cao Việt-Pháp, Chương trình Kỹ sư Việt-Nhật, Chương trình Tài năng**

**3.1. Phạm vi áp dụng**

Quy định này áp dụng cho các Giảng viên và Cán bộ hỗ trợ giảng dạy tham gia giảng dạy, hỗ trợ giảng dạy các lớp của Chương trình Kỹ sư Chất lượng cao Việt-Pháp (PFIEV); Chương trình Kỹ sư Việt-Nhật (VJEP); các lớp của Chương trình Tài năng (CTTN) nếu có mở riêng; và giảng dạy, hỗ trợ giảng dạy phần mở rộng của các môn học tài năng trong CTTN.

**3.2. Giảng viên**

- Có trình độ Tiến sĩ trở lên hoặc có trình độ Thạc sĩ tốt nghiệp tại các trường Đại học nước ngoài đúng ngành hoặc thuộc ngành gần;

- Có năng lực chuyên môn, NCKH đáp ứng yêu cầu định hướng nghiên cứu, học tập xuất sắc của PFIEV, VJEP và CTTN; có kinh nghiệm giảng dạy liên quan tới ngành đào tạo tham gia giảng dạy; có phương pháp dạy hiệu quả; áp dụng tốt các công nghệ thông tin trong giảng dạy và NCKH;

- Giảng viên giảng dạy các môn học bằng ngoại ngữ cần phải có thêm yêu cầu về trình độ ngoại ngữ bậc 5/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) hoặc được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngoại ngữ tương ứng.

**3.3. Cán bộ hỗ trợ giảng dạy**

Cán bộ hỗ trợ giảng dạy (CBHT) phải có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của học phần, sử dụng tốt các thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy để hỗ trợ giảng viên trong hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập, hướng dẫn thực hành, thảo luận, seminar và khóa luận, luận văn tốt nghiệp.

CBHT là các giảng viên, giảng viên đang tập sự, trợ giảng, kỹ sư phục vụ giảng dạy, nghiên cứu viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học đang học tập, nghiên cứu ở các Khoa và SV giỏi (xếp loại học lực giỏi hoặc/và có kết quả học tập của môn học SV tham gia hỗ trợ đạt loại giỏi) bậc đại học năm cuối khóa của PFIEV, VJEP và CTTN (tương ứng cho các chương trình PFIEV, VJEP và CTTN), những người có kinh nghiệm thực tiễn ở trong và ngoài trường.

**Phụ lục 4. Tiêu chuẩn giảng viên tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ**

Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ là người làm nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc hướng dẫn học viên thực hành, thực tập, thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ.

**4.1. Tiêu chuẩn giảng viên tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ**

1. Đáp ứng các quy định về tiêu chuẩn giảng viên quy định tại Điều lệ trường Đại học.

2. Đạt trình độ chuẩn được đào tạo:

- Có bằng tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư đối với giảng viên tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết.

- Có bằng thạc sĩ đối với giảng viên giảng dạy học phần ngoại ngữ cho các ngành không chuyên ngôn ngữ nước ngoài, giảng viên giảng dạy học phần triết học hoặc giảng viên hướng dẫn học viên thực hành, thực tập.

**4.2. Tiêu chuẩn người hướng dẫn luận văn thạc sĩ**

1. Người hướng dẫn phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của ĐHQG-HCM.

2. Người hướng dẫn và đồng hướng dẫn đảm bảo các điều kiện sau:

a) Đạt trình độ tiến sĩ trở lên, chuyên môn phù hợp với hướng đề tài của học viên.

b) Bảo đảm đủ năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin để giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế.

c) Có kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận văn trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm được giao hướng dẫn;

d) Đáp ứng những yêu cầu khác theo chuẩn chương trình đào tạo của ngành, lĩnh vực đào tạo và quy định của nhà trường.

3. Đối với chương trình thạc sĩ ứng dụng, người đồng hướng dẫn có thể là thạc sĩ đạt học vị từ 3 năm trở lên và phải đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có chuyên môn phù hợp với hướng đề tài của học viên

- Có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài.

- Có tối thiểu 2 năm giữ chức vụ lãnh đạo cơ quan, đơn vị sử dụng kết quả nghiên cứu của luận văn.

4. Đối với chương trình nghiên cứu theo phương thức 1, người hướng dẫn phải đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đảm bảo các điều kiện được quy định tại khoản 2 của Điều này.

b) Trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm có quyết định nhận hướng dẫn luận văn phải đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:

- Là tác giả chính của tối thiểu 1 bài báo công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science/Scopus.

- Là đồng tác giả của 2 bài báo công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science/Scopus.

- Là tác giả/chủ sở hữu hoặc đồng tác giả/đồng chủ sở hữu của 1 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ quốc gia hoặc quốc tế.

- Là tác giả chính hoặc đồng tác giả của 2 bài báo công bố đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế xuất bản có chỉ số ISBN, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực liên quan đến hướng đề tài của học viên.

- Là tác giả chính của 03 bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành thuộc danh mục Hội đồng giáo sư nhà nước hoặc có 2 công trình chuyên khảo xuất bản phù hợp với hướng nghiên cứu đề tài của học viên đối với lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Kinh doanh và quản lý.

5. Chỉ tiêu hướng dẫn

Tại một thời điểm người hướng dẫn là giáo sư, phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được hướng dẫn tối đa 7 học viên; là tiến sĩ được hướng dẫn tối đa 5 học viên (bao gồm cả học viên chương trình nghiên cứu và chương trình ứng dụng).

6. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định giao đề tài, nhà trường cần ghi rõ người hướng dẫn và đồng hướng dẫn. Tỷ lệ % hướng dẫn của người hướng dẫn và người đồng hướng dẫn do Hiệu trưởng quy định nhưng tối đa là 50%.

**Phụ lục 5. Tiêu chuẩn giảng viên tham gia đào tạo trình độ tiến sĩ**

**5.1. Tiêu chuẩn giảng viên tham gia đào tạo trình độ tiến sĩ**

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài, có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp.

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo. Đối với cán bộ hướng dẫn thực hành hoặc trợ giảng các học phần thuộc các ngành đặc thù có bằng thạc sĩ phải được Hiệu trưởng xem xét, đề nghị và trình Giám đốc ĐHQG-HCM phê duyệt.

c) Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học: đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc đã và đang tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ trở lên; là tác giả chính tối thiểu 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có trong danh mục của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước trong vòng 05 năm tính tới thời điểm tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

**5.2. Tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Người hướng dẫn độc lập phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học và các quy định pháp luật khác có liên quan; trường hợp người hướng dẫn là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài thì phải có thỏa thuận về việc hướng dẫn nghiên cứu sinh với cơ sở đào tạo.

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp.

c) Trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh phải: (i) là tác giả chính của tối thiểu 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI/Scopus); hoặc (ii) là đồng tác giả 02 bài báo công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI/Scopus; hoặc (iii) là chủ nhân hoặc đồng chủ nhân của 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc (iv) là tác giả chính hoặc đồng tác giả 02 bài báo công bố trên kỷ yếu hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN/ISSN. Các công trình này thuộc lĩnh vực liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh.

d) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ và trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh phải đáp ứng: (i) quy định tại điểm c khoản này và là tác giả chính của thêm 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus; (ii) hoặc quy định tại điểm c khoản này và minh chứng thêm 01 giải thưởng chính thức của các cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật và thể dục thể thao.

đ) Bảo đảm đủ năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế.

e) Là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Trường Đại học Bách Khoa, ĐHQG-HCM.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó:

a) Người hướng dẫn chính phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1.

b) Người hướng dẫn phụ phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại điểm a và b khoản 1 và là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 05 bài báo công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành phù hợp trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh. Đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư, ngoài các yêu cầu như đã nêu trên thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

c) Ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường Đại học Bách Khoa, ĐHQG-HCM.

3. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư, phó giáo sư được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ khoa học hoặc bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 05 nghiên cứu sinh. Đối với người hướng dẫn có nhiều công trình khoa học (là tác giả chính có từ 03 công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus/năm trở lên, liên tục trong 03 năm gần nhất), có các đề tài hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh, nhà trường báo cáo ĐHQG-HCM xem xét việc tăng số lượng nghiên cứu sinh được hướng dẫn.

Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh mới nếu trong vòng 06 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 02 nghiên cứu sinh có luận án không được hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua.